

CHỈ TIÊU BÁO CÁO THÁNG 7/ NĂM 2022

(Từ ngày 01 tháng 07 năm 2022 đến ngày 31 tháng 07 năm 2022)
(Ban hành kèm theo quyết định số: 691/QĐ-CSVN ngày 15 tháng 12 năm 2011)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm	Thực hiện trong tháng	Lũy kế đến cuối kỳ	Thực hiện cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6/7	9 = 6/4
1	SẢN PHẨM CHÍNH							
1	Diện tích cao su	Ha						
1.1	Diện tích tái canh	"	393,89	12,92	395,95	459,48		
1.2	Diện tích phục hoang	"	393,89	55,73	395,95	459,48		
1.3	Diện tích cao su thực hiện thanh lý		526,92	36,22	340,22	459		64,6
2	Sản lượng cao su	Tấn	13.200	1.555,5	6.294,2	6.499,3	96,8	47,7
2.1	Sản lượng khai thác	"	8.895	1.216,2	4.689,9	5.038,5	93,1	52,7
2.2	Sản lượng thu mua	"	3.000	339,3	1.604,3	1.460,8	109,8	53,5
	Nhượng quyền khai thác	"	1.305					
2.3	Sản lượng chế biến	"	12.500	1.603,1	6.341,7	7.059,0	89,8	50,7
2.3.1	Sản lượng gia công cho bên ngoài	"		113,3	259,7	588,7	44,1	
2.3.2	Cao su tự khai thác và thu mua	"	12.000	1.489,8	6.082,0	6.470,3	94,0	50,7
a	SVR CV 50, 60	"	100	39,2	607,5	812,0	74,8	607,5
b	SVR 3L, 5	"	4.900	384,5	1.466,8	1.206,3	121,6	29,9
c	SVR 10, 20	"	1.400	273,4	1.084,7	1.441,2	75,3	77,5
d	RSS3	"	950	229,6	655,0	582,2	112,5	68,9
e	RSS5	"	150	3,3	12,7	11,5	110,4	8,5
f	Ly tâm (quy DRC 100%)	"	4.500	559,0	2.128,6	2.296,2	92,7	47,3
g	Ngoại hạng	"		0,8	126,7	120,9		
2.4	Sản lượng tiêu thụ	"	12.000	1.196,2	5.781,1	5.285,5	109,4	48,2
2.4.1	Xuất khẩu	"	4.000	278,7	1.528,9	1.914,9	79,8	38,2

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm	Thực hiện trong tháng	Lũy kế đến cuối kỳ	Thực hiện cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
a	Trực tiếp	"	4.000	278,7	1.528,9	1.874,6	81,6	38,2
b	Ủy thác qua Tập đoàn	"	0	0,0	0,0	40,3		
2.4.2	Nội tiêu	"	8.000	917,5	4.252,2	3.370,6	126,2	53,2
2.5	Trong đó: Bán trong nội bộ Tập đoàn	"						
	Sản lượng tồn kho cuối kỳ	"	1.377		1.998,7	1.962,1	101,9	145,1
3	Chế biến gỗ							
3.1	Diện tích cao su TL được phân bổ	ha	450	0,0	101,5			22,6
	Trong đó: DT khai thác	ha	450	113,7	264,0			58,7
	Khai thác gỗ cao su thanh lý	m ³	59.300	2.643,2	24.558,7			
3.2	Sản lượng sản xuất trong kỳ	m ³	17.700	741,6	7.000,0			39,5
	Sản lượng gỗ phôi SX trong kỳ	m ³	17.700	741,6	7.000,0			39,5
	Trong đó: phôi cao su SX trong kỳ	m ³	17.700	741,6	7.000,0			39,5
3.3	Sản lượng tiêu thụ trong kỳ	m ³	18.244	873,1	7.465,0			40,9
	Sản lượng gỗ phôi tiêu thụ trong kỳ	m ³	18.244	873,1	7.465,0			40,9
1	Giá bán cao su bình quân	Tr đồng/tấn	38,83	42,80	42,72	45,42	94,1	110,0
1.1	Xuất khẩu và ủy thác xuất khẩu	"	40,25	43,92	44,03	45,27	97,2	109,4
-	Nguyên tệ quy ra USD		1.750	1.888	1.771	1.972	89,8	101,2
1.2	Nội tiêu	Tr đồng/tấn	38,11	42,5	42,3	45,5	92,8	110,9
2	Kim ngạch XK cao su quy theo USD	USD	7.000.000	526.251	2.936.273	3.776.997	77,7	41,9
	Trong đó: Thực thu bằng nhân dân tệ	CNY						
3	Doanh thu tiêu thụ cao su, dịch vụ	Tr đồng	908.661	69.329	422.287	326.117	129,5	46,5
3.1	Mủ cao su	"	465.900	52.042	254.428	247.934	102,6	54,6
3.1.1	Cao su khai thác và sản phẩm phụ	Tr đồng	352.650	40.210	202.088	185.164	109,1	57,3
3.1.2	Cao su thu mua	Tr đồng	113.250	11.833	52.341	62.770	83,4	46,2
3.2	Tài chính, cây cao su, khác	"	306.820	8.200	102.859	78.183	131,6	33,5
3.3	Doanh thu gỗ cao su	"	135.941	9.087	65.000			47,8
4	Lợi nhuận gộp về sản xuất kinh doanh	Tr đồng	325.760	10.493	108.879	76.343	142,6	33,4
	Trong đó: Lợi nhuận SXKD cao su	"	47.855	2.972	17.500	22.911	76,4	36,6
5	Nộp ngân sách	Tr đồng	105.237	18.902	76.634	46.797	163,8	72,8

STT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm	Thực hiện trong tháng	Lũy kế đến cuối kỳ	Thực hiện cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
5.1	Thuế GTGT	"	16.000	3.702	12.000	10.440	114,9	75,0
5.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	65.152	15.000	45.000	10.815	416,1	69,1
5.3	Thuế nhập khẩu	"	0			356		
5.4	Tiền thuê đất	"	21.000	200	17.000	23.310	72,9	81,0
5.5	Thuế thu nhập cá nhân	"	3.000	0	2.575	1.810	142,3	85,8
5.6	Thuế tài nguyên	"		0	20	37		
5.7	Thuế khác	"	85	0	39	29	134	45,9

Bình Phước, ngày 08 tháng 8 năm 2022

PHÒNG KẾ HOẠCH

Nơi nhận:

- Ban KHĐT-Tập đoàn
- BGD Công ty
- Các phòng ban công ty
- Lưu: VT, KH

Phạm Bá Tuấn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Cường